

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG  
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



# ***TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN***

Học phần: LOGIC HỌC ĐẠI CƯƠNG

**ĐỀ TÀI 3:** Quy luật đồng nhất và các lỗi logic khi vi phạm  
các yêu cầu của quy luật đồng nhất thông qua các tình huống  
thực tế

Giảng viên hướng dẫn : Đào Thị Hữu

Sinh viên thực hiện : Hà Nhật Lệ

Lớp : K22LKTC

Mã sinh viên : 22A4060178

Hà nội, ngày 15 tháng 07 năm 2020

## MỤC LỤC

MỞ ĐẦU .....	2
NỘI DUNG .....	4
PHẦN 1. LÝ LUẬN: QUY LUẬT ĐỒNG NHẤT:.....	4
1.1. Cơ sở khách quan của quy luật: .....	4
1.2. Nội dung và công thức của quy luật: .....	4
1.3. Cơ sở của quy luật:.....	5
1.4. Các yêu cầu của quy luật đồng nhất:.....	5
PHẦN 2: LIÊN HỆ THỰC TẾ VÀ LIÊN HỆ BẢN THÂN .....	6
2.1. Liên hệ thực tế:.....	6
2.2. Liên hệ bản thân : .....	9
KẾT LUẬN.....	9
TÀI LIỆU THAM KHẢO .....	10

## **MỞ ĐẦU**

### **1. Tính cấp thiết của đề tài:**

Trong cuộc sống chúng ta thường sử dụng rất nhiều các khái niệm, mà quy luật đồng nhất tác động trước hết trong quá trình xây dựng các khái niệm. Như đã biết mọi khái niệm có thể xây dựng đúng hoặc không đúng. Nếu các đối tượng khác loại được nhóm vào một khái niệm, thì khái niệm đó sẽ là bất định, không rõ ràng, còn hiện thực sẽ bị phản ánh xuyên tạc. Quy luật đồng nhất tác động ngay cả khi sử dụng các khái niệm có sẵn. Nếu các khái niệm thiếu tính xác định, tính đơn nghĩa, tính đồng nhất, nếu chúng luôn thay đổi nội hàm và ngoại diên, thì chúng ta không thể sử dụng chúng. Quy luật đồng nhất còn ảnh hưởng đến các phán đoán, mọi phán đoán khi ghi nhận sự đồng nhất của các đối tượng, đều có khả năng khẳng định hay phủ định sự đồng nhất ấy và do vậy có thể là chân thực hay giả dối. Quy luật đồng nhất cũng tác động lạnh mề trong suy luận. Quy luật đồng nhất trở thành quy tắc cho từng ý nghĩ: một ý nghĩ không thể vừa là nó vừa không phải là nó. Nó phải đồng nhất với nó về giá trị logic. Chính vì vậy việc tuân thủ quy luật này trong nhận thức đảm bảo tính nhất quán của tư tưởng tránh phản ánh xuyên tạc về sự vật hiện tượng được định nghĩa đây cũng chính là lý do mà em chọn đề tài “ Quy luật đồng nhất và các lỗi logic khi vi phạm các yêu cầu của quy luật đồng nhất thông qua các tình huống thực tế” làm đề tài nghiên cứu.

### **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu :**

Mục đích: nắm được các đặc điểm của quy luật đồng nhất, rút ra được sự tác động của quy luật đồng nhất đối với tư duy con người.

Nhiệm vụ nghiên cứu: thông qua các tình huống thực tế chỉ ra các lỗi logic thường mắc khi vi phạm yêu cầu của quy luật đồng nhất và tìm ra cách khắc phục để không mắc phải các lỗi đó.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:**

Đối tượng: Các tình huống thực tế

Phạm vi nghiên cứu: Quy luật đồng nhất

### **4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu:**

Cơ sở lý luận: quan điểm của logic học hình thức về hình thức và quy luật của tư duy.

Phương pháp nghiên cứu: thống nhất logic và lịch sử, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa và hệ thống hóa, phương pháp hình thức hóa.

### **5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài:**

Ý nghĩa lý luận: qua đề tài này chúng ta hiểu rõ về quy luật đồng nhất và các lỗi thường mắc phải khi vi phạm quy luật đồng nhất từ đó giúp quá trình tư duy trở nên mạch lạc có tính xác định chặt chẽ và nhất quán.

Ý nghĩa thực tiễn: Đề tài này giúp chúng ta nhận thức đúng quy luật đồng nhất góp phần rèn luyện tư duy chính xác, giúp quá trình tư duy mạch lạc, có tính xác định chặt chẽ và nhất quán. Là cơ sở để đánh giá phê phán quan điểm sai trái, giúp rèn luyện bản thân về khả năng nói, viết, lập luận hoặc triển khai văn bản và có vai trò quan trọng trong nhận thức khoa học.

## NỘI DUNG

### PHẦN 1. LÝ LUẬN: QUY LUẬT ĐỒNG NHẤT:

#### 1.1. Cơ sở khách quan của quy luật:

Một trong những đặc tính cơ bản của thế giới quanh ta là tính xác định về chất của các đối tượng phản ánh trong tư duy. Điều đó có nghĩa: mặc dù chúng không ngừng chịu những biến đổi thì trong khoảng thời gian nhất định chúng vẫn cứ còn là chúng, đồng nhất với bản thân. Như vậy, chúng tồn tại trong sự thống nhất biện chứng giữ trạng thái đứng im tương đối và trạng thái vận động biến đổi không ngừng. Tuy nhiên, mặc dù vận động và biến đổi tuyệt đối, vĩnh viễn, nhưng điều đó không nghĩa là các đối tượng luôn thay đổi, không để lại dấu vết gì, đến mức ta không thể biết nó là cái gì? Để nhận thức về đối tượng ở phẩm chất xác định, tức xét xem đối tượng là gì trong một khoảng thời gian và một quan hệ xác định, phải trừu tượng hoá nó khỏi sự vận động, biến đổi. Với ý nghĩa như vậy, tính xác định về chất là đặc trưng cơ bản của thế giới vật chất và ở phẩm chất xác định của đối tượng luôn là chính nó. Chỉ có như thế ta mới có thể nhận thức được đối tượng.

Như vậy, có thể khẳng định cơ sở khách quan của quy luật đồng nhất là tính ổn định tương đối, trạng thái đứng im tương đối của các đối tượng. Quy luật đồng nhất quy định tính xác định của ý nghĩ, của tư tưởng về đối tượng ở phẩm chất xác định, còn bản thân ý nghĩ tuân thủ quy luật này phản ánh sự đồng nhất trừu tượng của đối tượng với chính nó.

#### 1.2. Nội dung và công thức của quy luật:

Nội dung: trong quá trình suy nghĩ, lập luận, thì tư tưởng phải là xác định, một nghĩa, luôn đồng nhất với chính nó.

Công thức của quy luật: “a là a”, ký hiệu: “ $a \equiv a$ ”, trong đó a là một tư tưởng bất kỳ phản ánh về đối tượng xác định nào đó. Nói cách khác, mỗi ý nghĩ đều được rút ra từ chính nó và là điều kiện cần và đủ cho tính chân thực của nó. “ $a \rightarrow a$ ” – (nếu a, thì a).

Phản ánh tính xác định về chất, ổn định tương đối về lượng của các sự vật hiện tượng trong một không gian, thời gian và mối quan hệ xác định.

=> thực chất: mỗi suy nghĩ phải luôn đồng nhất với chính nó.

*Lưu ý: Sai lầm trong suy luận là do đồng nhất các khái niệm có nội hàm và ngoại diên khác nhau.*

### **1.3. Cơ sở của quy luật:**

Xuất phát từ tính xác định của tư tưởng, sự phản ánh tính xác định, tính ổn định tương đối về chất của sự vật hiện tượng được phản ánh.

Sự vận động biến đổi và phát triển của thế giới khách quan không phải vô trật tự, lộn xộn mà theo các quy luật xác định.

Mỗi sự vật hiện tượng bao giờ cũng có đặc điểm riêng, tính chất riêng. Nó đồng nhất với chính nó chừng nào chưa chuyển sang chất mới.

=> Trong quá trình tư duy luôn phải xác định đúng và giữ nguyên đối tượng phản ánh, không được tùy tiện thay đổi hoặc lẫn lộn đối tượng, không được đánh tráo đối tượng.

### **1.4. Các yêu cầu của quy luật đồng nhất:**

*Yêu cầu 1:* Phải có sự đồng nhất của tư duy với đối tượng về mặt phản ánh, tức là trong lập luận về một đối tượng xác định nào đó. Cơ sở của yêu cầu này là:

Thứ nhất, các đối tượng khác nhau thì phân biệt với nhau, vì thế tư duy phản ánh đối tượng nào phải chỉ rõ ra được nó là gì? Không lẫn lộn với các đối tượng khác.

Thứ hai, các đối tượng luôn vận động, biến đổi; bản thân chúng có nhiều hình thức thể hiện trong từng giai đoạn phát triển khác nhau. Tư duy khi phản ánh đối tượng cần ý thức được nó đang phản ánh đối tượng ở hình thức nào, ở giai đoạn phát triển nào, chứ không được lẫn lộn các hình thức và giai đoạn phát triển khác nhau của đối tượng.

*Yêu cầu 2:* phải có sự đồng nhất giữa tư tưởng và ngôn ngữ diễn đạt nó. Cơ sở khách quan của yêu cầu này là mối liên hệ giữ tư duy và ngôn ngữ diễn đạt. Một tư tưởng, một ý nghĩ bao giờ cũng phải được “vật chất hoá” ra ở ngôn ngữ. Vì thế, tư tưởng, ý nghĩ thế nào? Về cái gì? Ngôn ngữ diễn đạt phải thể hiện đúng như vậy, tránh tạo ra trường hợp tư tưởng, ý nghĩ phản ánh về đối tượng này, nhưng ngôn ngữ diễn đạt lại cho thấy không phải đối tượng ấy mà là đối tượng khác hay có thể là đối tượng đó mà cũng có thể là đối tượng khác (tức không xác định).

*Yêu cầu 3:* tư duy tái tạo phải đồng nhất với tư duy nguyên mẫu. Cơ sở khách quan của yêu cầu này là tính nhất quán của tư duy khi nhắc lại tư tưởng của mình hoặc của người khác. Trong hoạt động thực tiễn và hoạt động nhận thức con người thường xuyên phải diễn đạt lại hoặc hiểu đúng những tư tưởng đã định hình về đối tượng. Tư duy đã được định hình về đối tượng gọi là tư duy nguyên mẫu. Còn tư duy nhắc lại hoặc hiểu lại cái tư duy đã có trước đó là tư duy tái tạo. Khi chúng ta nhắc lại đúng ý của mình hoặc hiểu chính xác tư tưởng đã được định hình thì tức là yêu cầu này đã được tuân thủ. Nếu ngược lại là tư duy mắc lỗi. Việc vi phạm yêu cầu này sẽ làm cho tư duy thiếu nhất quán, có thể làm sai lệch những nhận thức đúng đã có về đối tượng.

## **PHẦN 2: LIÊN HỆ THỰC TẾ VÀ LIÊN HỆ BẢN THÂN**

### **2.1. Liên hệ thực tế:**

Ví dụ về các trường hợp vi phạm yêu cầu của quy luật đồng nhất. Cuộc sống diễn biến thật muôn hình vạn trạng và chính nó cung cấp cho ta thật nhiều những ví dụ sinh động của việc vô tình hay hữu ý vi phạm các yêu cầu đã nêu trên.

#### ***\* Vi phạm yêu cầu 1 sẽ dẫn đến mắc lỗi:***

*Lỗi ngộ biện (sai mà không biết):* xảy ra khi trong tư duy do vô tình mà khái quát những hiện tượng ngẫu nhiên thành tất nhiên hoặc do trình độ nhận

thức còn thấp (chưa đủ điều kiện, phương tiện, cơ sở để nhận thức, đánh giá, xem xét sự vật) nên phản ánh sai hiện thực khách quan.

Ví dụ: Thuyết “ địa tâm” trước đây quan niệm Mặt Trời quay xung quanh Trái Đất. Nhận thức sai lầm này là do, con người chưa có phương tiện để quan sát sự chuyển động của các hành tinh, chỉ dựa vào việc hàng ngày quan sát thấy Mặt Trời xuất hiện ở hướng Đông và biến mất ở hướng Tây.

*Lỗi nguy hiểm (biết sai mà vẫn cứ cố tình mắc vào):* xảy ra khi có một lý do động cơ, mục đích vụ lợi nào đó mà người ta cố tình phản ánh sai lệch hiện thực khách quan, nhằm biến sai thành đúng, vô lý thành hợp lý.

Ví dụ: trong chuyện Trạng Quỳnh, khi thấy sứ thần Lào dâng lên chúa Trịnh một mâm đào trường thọ, bèn chạy tới lấy một quả ăn ngay. Chúa cho là Quỳnh phạm tội khi quân, sai chém. Trạng Quỳnh nói rằng: “ chém thần cũng được nhưng phải chém bằng dao trường thọ trước đã. Nó bảo đào trường thọ sao thần vừa ăn đã chết? Đây phải gọi là đào đoản thọ mới đúng”. Chúa nghe vậy liền bật cười tha tội.

=> Ở đây, Trạng Quỳnh đã cố tình vi phạm quy luật đồng nhất để thoát chết bằng cách đánh tráo nội dung của khái niệm “chết do phạm tội” với khái niệm “chết sinh học”.

**\* Vi phạm yêu cầu 2 thường do:**

*Sử dụng từ đa nghĩa:*

Ví dụ:

“ Bà già đi chợ Cầu Đông

Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng?



Thầy bói gieo quẻ nói rằng

Lợi thì có lợi nhưng răng chẳng còn”

=> Ở đây, cùng một chữ “lợi” nhưng được hiểu theo hai nghĩa khác nhau: Chữ “lợi” thứ nhất có nghĩa là: lợi ích có được từ việc lấy chồng. Chữ “lợi” thứ hai có nghĩa là: phần thịt bao giữ xung quanh chân răng.

*Sử dụng từ không rõ nghĩa:*

Ví dụ: “Công an bắt bọn cướp giật bằng xe máy”

Ở đây do lối diễn đạt của người nói sử dụng từ không rõ nghĩa mà người nghe có thể hiểu câu chuyện theo hai nghĩa khác nhau:

“ Công an bắt bọn cướp giật bằng xe máy” có thể hiểu cụm từ “bằng xe máy” (giấy phép lái xe hạng A1 không có kỳ hạn và được cấp bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền)

“ Công an bắt bọn cướp giật bằng xe máy” có thể hiểu cụm từ “bằng xe máy” ở đây là công an truy đuổi bắt bọn cướp giật bằng phương tiện là xe máy.

*Sử dụng sai cấu trúc ngữ pháp:*

Ví dụ: Trước toà bà Minh nói: “tôi đồng ý bán nhà giúp con trả nợ”, nhưng thư ký của phiên toà lại ghi “Tôi đồng ý bán nhà trả nợ giúp con”. Sai lầm này của thư ký phiên toà đã làm cho việc thi hành án sau này gặp khó khăn.

\* ***Vi phạm yêu cầu 3*** sẽ làm cho tư duy thiếu nhất quán, có thể làm sai lệch những nhận thức đúng đã có về đối tượng.

Ví dụ: có diễn giả nói: “Hình như trên đời có luật bù trừ. Người ta bị mù một mắt thì mắt kia sẽ sáng hơn. Bị điếc một tai thì tai kia sẽ nghe rõ hơn,...Nghe vậy, có thính giả kêu lên: “Rất đúng tôi cũng thấy rằng nếu một người cụt chân thì y rằng chân kia sẽ dài hơn”. Câu nói của anh ta làm cả

thính phòng cười ồ lên. Anh ta đã không nhận thấy rằng khi diễn giả nói “...mắt kia sẽ tinh hơn”, “...tai kia sẽ thính hơn” là tác giả so sánh với mắt và tai bình thường, còn anh ta thì so sánh “chân kia” với “chân cụt” (Trích từ tài liệu của Th.S Lê Duy Ninh).

## **2.2. Liên hệ bản thân :**

Tuân thủ các yêu cầu của quy luật đồng nhất giúp chúng ta nắm chắc nội dung tư tưởng của vấn đề đặt ra từ trước và trong quá trình lập luận...chúng ta không bị lạc vấn đề, cũng như tư duy không bị rối loạn. Quy luật đồng nhất giúp ta khắc phục tính mơ hồ về nội dung vấn đề, tính không cụ thể của phạm vi vấn đề được đề cập, đặc biệt chống lối nói nước đôi hoặc ngụy biện.

## **KẾT LUẬN**

Quy luật đồng nhất là quy luật cơ bản nhất vì vậy nó còn được gọi là nguyên lý của logic học. Quy luật đồng nhất đảm bảo cho tư duy có tính xác định (tính chính xác, rõ ràng, rành mạch), làm cho suy nghĩ trở nên khúc chiết, mạch lạc. Đây là bản tính của tư duy logic. Khi vi phạm quy luật đồng nhất, tư duy sẽ không còn mang tính xác định, mà nó rơi vào trạng thái bất định, lưỡng nghĩa, rối rắm, tự mâu thuẫn mà cuối cùng là sa vào sai lầm.

Để không mắc phải những sai lầm trong quá trình tư duy mỗi chúng ta cần không ngừng trau dồi kiến thức của bản thân về sự vật hiện tượng, các định nghĩa trạng thái khác nhau của sự vật hiện tượng và đặc biệt là vỏ từ vựng của bản thân.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nguyễn Thuý Vân – Nguyễn Anh Tuấn, giáo trình logic học đại cương, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội.
2. Ths. Lê Duy Thanh (2014) – Vài trao đổi về giảng dạy môn logic học trong trường luật